

Sau tháng 10/1975, người dân Miền Nam bắt đầu gánh chịu thảm họa lớn khi đất nước thống nhất dưới sự cai trị của Đảng CSVN.



Gần một triệu người thu về cho đất cũ bỏ đi vào các trại cải tạo. Số phận bi đát “chính người” còn nhét vào con cái các thành phần kẻ trên nhóm triết học tôn giáo người Quốc gia. Cuộc chiến kéo dài gần 30 năm từ 1946 đến 1975 và a chòm đất, một cuộc chiến mới lại xảy ra giữa CSVN và Khmer Đỏ. Hàng trăm ngàn thanh niên bỏ cuộc ngách nhép ngũ, đi đi chiến đấu ở Cam-pu-chia. Những chuyên chính vô sản còn áp dụng đối với cán bộ đảng viên của họ, gần 30 vạn đảng viên được đào tạo ở Trung Cộng bỏ sa thải khỏi chính quyền khi CSVN bày tỏ thái độ thù địch với TC. Hàng chục ngàn gia đình tị nạn bỏ đi các vùng kinh tế mới. Các xí nghiệp công nhân bỏ cuộc hòa, các ngành tiểu công nghiệp và nông nghiệp phải đi vào con đường làm ăn tự do. Miền Nam từng là vựa lúa lớn của thế giới, nay bắt đầu biến đổi để trồng, phải ăn đến khoai sắn, bọ bọ.

Bỏ đi vào đường cùng, nhân dân không còn con đường nào khác, đành phải mở o hiềm bỏ nước ra đi. Những người ra đi không phải đi. Đi đường bộ, phải qua Miền, lúc bấy giờ Khmer Đỏ đang có chế độ “Cấp Du” (giết người và Vi) trong kế hoạch diệt chủng của Pol Pot. Chưa còn vết biển bằng những người tị nạn thô sơ, trong khi bộ máy công an chế độ kiểm soát sự đi lại của người dân. Số người ra đi biến mất trong đường và sự người bị bắt vào tù. Theo thống kê của LHQ có gần một triệu đường bào độn độn bôn bôn do, song cũng có khoảng nửa triệu người vui tươi dẫu lòng biển.

Trước khi tị nạn, đường bào chế còn có nguy hiểm trên phù thủy, trong số có Giáo sư Vũ Quốc Thúc. Mặc dù không phải tín đồ Thiên Chúa Giáo, song hàng ngày, ông đã đến nhà thờ Đức Bà. Và một hôm nhân ngày lễ Pentecôte, ông lên nhà thờ Bình Triêu hành hương, cầu nguyện trước tượng Đức Mẹ xin Đức Mẹ cho gia đình ông được thoát khỏi VN toàn vẹn. Ông xin nguyện đem những năm còn lại trong đời phụng vụ dân tộc, phụng vụ tự do và tự nhiên cho Chúa Thiên Chúa. Khi ông và một người cầu nguyện bằng thơ và tượng Đức Mẹ sáng rực lên trên xuồng dẫu, có khoảng vài giây đường họ. Đức biết trên gò má tay một của bôn bôn có một giọt nước mắt long lanh.

Ông ghi lại sự kiện huyền diệu này trong hồi ký Thời Đại Tôi: “Sau đó nhìn kỹ, thì trên gò má bên trái không thấy có gì cả. Nhưng vậy giống một mắt mà tôi nhìn thấy chỉ là một lỗ nhỏ. Từ lúc đó trở đi, suốt buổi chiều, tôi thấy trong lòng hơi hớp như mình đang chờ đợi một việc gì sắp xảy ra. Tôi vội vàng mở lên chiếc radio nhỏ, vì trong nhà vẫn còn bên đợi đang chờ đợi đóng. Tôi nghe lên chương trình tiếng Việt của BBC. Tin đầu tiên tôi nghe thấy là ông Raymond Barre, một người cùng thi thóc sĩ với tôi năm 1950 đã được chọn làm tổng thống Pháp Valéry Giscard d’Estaing làm thủ tướng. Lúc đó không khác chỉ có người và vai tôi và bên tôi: tại sao không như ông Raymond Barre là một người cùng thi với mình. Ông ta là giáo sư đại học, mình cũng là một giáo sư đại học cùng ngành với ông ỹ mà bây giờ lại lâm vào cảnh khốn cùng như thế này, như ông can thiệp giúp, để cho gia đình sang Pháp”.

Như câu duyên trên, Giáo sư VQT và toàn bộ gia đình đến định cư ở Paris từ ngày 30/6/1978. Như sự giống nhau của Thời tướng Raymond Barre, ông được bổ nhiệm làm giáo sư giảng dạy kinh tế và quản trị xí nghiệp ở Viện Đại học Paris XII. Từ thời điểm này, ông dành cuộc đời còn lại để phục vụ dân tộc mang lại tự do cho đồng bào đồng bào ở nước ngoài.

Tranh đấu cho chính nghĩa của người Việt Quốc Gia

Đầu thập niên 1980, một nhà báo Pháp có tham vọng viết sách là Henri de Turenne, đã đến diến cho hãng Pathé, phát hành một loạt phim về lịch sử VN từ thời Pháp thuộc đến chiến tranh VN giữa HK và CSVN. Loạt phim lịch sử VN của ông ta dựa trên tài liệu của nhiều tác giả viết bằng tiếng Pháp hoặc tiếng Anh, nhưng toàn là những tác giả có xu hướng bài bác chính quyền quốc gia. Họ coi chính quyền này là bù nhìn của Pháp. Thí dụ như ông Thời tướng bắt đầu bằng những người làm việc dưới thời chính phủ Nam Kỳ tự trị, rồi sau này dưới thời chính phủ lâm thời của Quốc gia Việt Nam ở Bô Đôn, chính họ là các Thời tướng Nguyễn Văn Xuân, Nguyễn Phan Long, Trần Văn Hưu, Nguyễn Văn Tâm là tay sai của Pháp, hoặc hoàng thân Bảo Lộc cũng là người du học ở Pháp. Nói tóm lại, những người làm việc trong chính quyền quốc gia chính quyền ít thì nhiều đều được coi là thân Pháp, nếu không cũng dựa vào thời lịch của Pháp, dựa vào quân đội Pháp để cai trị.

Quả thật, các Thời tướng đầu tiên của Quốc gia Việt Nam trong giai đoạn 1948-1955 như kể trên, đều là các thành viên trong chính phủ Nam Kỳ tự trị của Bác sĩ Nguyễn Văn Thỉnh năm 1946. Họ là những trí thức VN học theo văn hóa Pháp nhưng đấu tranh với Pháp giành lại độc lập cho nước nhà bằng con đường hòa bình theo đúng pháp lý quốc tế do Đồng minh quy định sau khi Thời chiến II chấm dứt. Trước đây Nam Kỳ là thuộc địa của Pháp, nay Pháp trả lại độc lập cho Nam vĩ tuyến 16 để tái lập chủ quyền và thống nhất toàn vẹn lãnh thổ nên xin được trao trả độc lập cho họ. Bác sĩ Nguyễn Văn Thỉnh thành lập Nam Kỳ tự trị trong bối cảnh trên, trước khi giành độc lập hoàn toàn và thống nhất đất nước.

Giáo sư VQT là một chính nhân lịch sử. Từ vùng kháng chiến Việt Minh trở về Hà Nội, ông được Thủ tướng Nguyễn Văn Xuân cử làm Công cán kỹ viên làm việc ở Paris từ 1948 trong thời gian Chính phủ Trung ương Quốc gia Lâm thời và đã được Cựu hoàng Bảo Đại cho thành lập, để thủ tướng kiêm người Pháp và nên được lập và thủ tướng nhậm chức nhà. Kết quả là ngày 8/6/1948 trên một chiếc hạm neo tại Vịnh Hạ Long, Cao ủy Bollaert, đại diện chính phủ Pháp và Nguyễn Văn Xuân thủ tướng Chính phủ Trung ương Quốc gia Lâm thời đã ký thỏa ước Vịnh Hạ Long. Pháp nhìn nhận VN được lập và tự do theo hiến pháp thủ tướng quốc gia. Đến ngày 8/3/1949, tại Dinh thủ tướng Pháp (Đài Elysée) cựu hoàng Bảo Đại và TT Vincent Auriol ký Hiệp ước Elysée. Pháp chính thức nhìn nhận VN là một quốc gia được lập thủ tướng thu được khỏi Liên Hiệp Pháp.

Lúc bấy giờ, VN ở trong khối LHP, để tìm sự bảo trợ của khối này nhằm chống lại mưu đồ nhuốc nhủ Đông Dương của ông Hồ Chí Minh. Đây là sự kiện trước của Pháp sau hơn 80 năm khai thác nguỵ n tài nguyên của nước ta. Nay họ có bên phần chiến đấu bên cạnh Quân đội Quốc gia VN để bảo vệ nên được lập và Tự do cho dân tộc Việt. Từ 1949 đến cuối năm 1953, số quân viễn chinh Pháp bắt thủ tướng vong lên đến trên 100 ngàn và đã chi cho cuộc chiến hơn hai lĩn số tiền mà họ đã nhận của HK qua kế hoạch Marshall để tái thiết nước Pháp sau Thế chiến II.

Đến cuối năm 1953, tình hình Đông Dương biến đổi vào một khúc quanh quan trọng: các cường quốc quy tụ để chia cắt khu vực Đông Dương. Lúc bấy giờ ông VQT đã đồng lòng Thủ tướng sĩ, tham gia Chính phủ Bảo Lữ và chỉ huy Bộ trưởng Giáo dục. Ông đã cùng Thủ tướng Bảo Lữ, Giáo sư Nguyễn Quốc Đĩnh, bộ trưởng Ngoại giao, Nguyễn Văn Đĩnh Bộ trưởng Tư pháp và Luật sư Nguyễn Đình Khê Bộ trưởng Bộ Dân chủ hóa đến Paris cùng Thủ tướng Pháp Joseph Laniel ký Hiệp ước và Điều lệ (Traité d'Indépendance) ngày 4/6/1954. Nước Pháp công nhận nước VN là một quốc gia hoàn toàn được lập có đầy đủ chủ quyền và tự do pháp công nhận.

Trong Nội các Bảo Lữ có Bộ Dân Chủ Hóa, khi đất nước sắp biến đổi vào một giai đoạn lịch sử mới, cho thấy Quốc trưởng Bảo Đại đã chuần bị đưa VN vào thời đại Dân chủ thực sự. Hai tuần sau khi Hiệp ước Điều lệ được ký kết, QT Bảo Đại đã cử ông Ngô Đình Diệm làm thủ tướng và toàn quyền quân sự và dân sự. TT Diệm yêu cầu Pháp chính thức rút khỏi VN, nước Việt Nam Cộng Hòa ra đời từ 1956.

Giáo sư VQT xuất hiện trên đài truyền hình và phát thanh để phân bác những xuyên tạc sự thật của bộ phim lịch sử do ông Henri de Turenne làm đạo diễn. Theo GS Thúc, việc làm của ông Turenne “không khác gì công việc của một chính nhân trước tòa án để luận tội một sự

lịch sử VN". Những ông Turenne "không làm đúng vai trò chính nhân của một sự gia vì ông ấy đã cố ý bỏ quên một phần lớn sự thật là các cựu điếm của chính quyền Quốc gia VN cũng như của chế độ thuộc địa Pháp ngày xưa". Sau đó ông Turenne đã phỉ thúy ngay trên đài truyền hình là ông ta đã thu thập các sự việc với một cách một ký giả chứ không phải với một cách một sự gia. Ngay đi có câu "Nhà báo, nói láo ăn tiền". Phấn bác lập luận của Henri de Turenne, chính là phấn bác giả báo chí thiêu sự lập ng thiêu cùng các phấn t phấn chiêu đã xuyên tạc sự thật nhảm làm một uy tín của người Quốc gia trong cuộc chiêu Quốc Cộng và qua.

Tranh đấu cho người Việt tị nạn:

Vào năm 1986, làn sóng thuyền nhân đã bùng vào năm thập 10, các nước Âu, Mỹ, Á ngày càng trở nên lãnh đm, nưu của phải là "hơn hơn" đi với các nư dân VN. Họ cho rằng đám người này kéo nhau đi, không phải vì lý do chính trị, mà chỉ vì lý do kinh tế. Vì thế Gs VQT cùng thm phán Nguyễn Thạch Vân, một cựu sĩ viên của cộng TT Trần Văn Hưu ng nêu lên vấn đề Hà Nội vi phạm HĐ Paris 1973, trong khi các cộng ng quốc thiêu trách nhiệm vì đã long trọng ký tên bỏ đm sự thi hành hiệp đnh. Chính vì họ "bị i" cho nên hàng triệu người phải bỏ VN ra đi. Họ không có quy định một sát nư dân VN là những kẻ tị nạn chính trị giả hiu.

Nhân kỷ niệm lần thập 38 Bn Tuyên ngôn Quốc tế Nhân quyền, Gs VQT tích cực cuộc hội thảo ngày 7/12/1986 tại Paris với vấn đề thuyền nhân. Ông mời một số luật sư tên tuổi làm thuyết trình viên như Thm phán Nguyễn Thạch Vân, cựu Bộ trưởng Ngoại giao, Luật sư Vưu Văn Bc, cựu Bộ trưởng Ngoại giao, Luật sư Trần Thanh Hiệp, cựu bộ trưởng...Thm cnh thuyết nhân theo phân tích của các luật gia, xuất phát từ quy định của nhân dân bị tước đoạt. Nhà cầm quyền CS bắt dân VN chấp nhận nưp sự trái ngược với truyền thống văn hóa mình, trái ngược với nguyên vẹn dân tộc của mình và tị tị hơn nư a, trái hơn với nhân phẩm của mình. Người ta không có lối thoát nào khác nên phải liều mạng ra đi.

Luật sư Vưu Văn Bc kể luận: HĐ Paris 1973 cũng như văn kiện ngày 2/3/1973 của Hội nghị quốc tế với VN đều có của đng một số điu khoản nưu đm thi hành đng đn đã tránh đm thm hĩa thuyền nhân. Các thĩa hiệp đó của hĩa một giá trị. Nưu bây giờ làm sự ng lĩ, người ta có hy vọng thi t lập một nư hòa bình lâu dài Đông Dng và nhữ vỹ sự giĩ quy t một cách đt khoát thm trng thuyết nhân. Nưu thm hĩa này kéo dài, hiên nhiên đó là một mĩ đe dọa thng xuyên đi với nguyên tắc thng tôn pháp luật. Sau ba tiêng đng hĩa hĩa thảo, các tham d viên đã đi đn quy t đnh thành lập ủy ban Luật gia Vn đng Văn hĩa Hiệp đnh Paris 1973 do Gs VQT làm chủ tịch.

Lúc bấy giờ, thĩa giĩ lên án CSVN can đ vào cuộc chiêu Campuchia và vi phạm nhân

quyền tự do. Nhưng quy tắc của Địch là Địch LHQ năm 1985, yêu cầu quân ngoại quốc (CSVN) phải rút khỏi Miền với 114 phi vụ thu, chỉ có 21 phi vụ chính và 16 nước công nhận. Với gần 200 ngàn quân đang bị sa lầy ở Miền, nên hòa bình và thống nhất mà người dân VN mong đợi như là phần thưởng sau mấy chục năm chiến tranh vẫn còn là giấc mơ. Trong tình thế đó, việc Văn hội HĐ Paris 1973 trở nên cấp bách. GS VQT cũng báo cáo các công việc quốc gia nên làm tiếp có thể giúp quy định riêng biệt về vấn đề hòa bình ở Campuchia. Mục tiêu của một nền hòa bình thực sự ở Đông Dương cần phải để những người Quốc gia chia sẻ quyền hành với Địch CSVN. Giải pháp thích hợp nhất là trở lại HĐ Paris 1973: không phải mãi mãi chia đôi VN, mà là để hoàn thành sự tái thống nhất trong tinh thần hoà hợp, hòa giải bằng thống nhất giữa hai bên địch và đồng minh.

Vấn đề ng vẫn hội HĐ Paris 1973:

Ngày 23/5/1987 tại Paris, với sự hỗ trợ tích cực của Ủy ban Pháp Quốc về tự do của VN tự do (Comité Français de soutien pour un Vietnam libre), GS VQT đã tham gia cuộc họp báo công khai về việc trở lại HĐ Paris 1973. Nhân dịp này Ủy ban Luật gia VN đưa ra và vận động hiệu lực của HĐ Paris 1973 (Comité de juristes Vietnamiens pour la remise en vigueur des Accords de Paris de 1973) đã công bố chính thức Bức thư (Libre blanc) với tựa đề Guerre et Paix en Indochine (Chiến tranh và hòa bình ở Đông Dương). Để trở lại HĐ Paris 1973, những giải pháp quy định các vấn đề nan giải của các nước ĐD, Bức thư kêu gọi Pháp đưa ra triều tự do một hội nghị Paris mới rộng rãi, bao gồm 5 Ủy viên Thống nhất trước Hội đồng Bộ An LHQ, bốn nước nguyên thành viên Ủy hội Quốc tế Kiểm soát Đình chiến ĐD năm 1954, hai phe Quốc Cộng của ba nước Việt Miền Lào.

Cuộc họp báo do GS VQT chủ trì cùng với Dân biểu Georges Mesmin, Chủ tịch Ủy ban Ngoại giao Hội Nghị Viên Quốc hội Pháp, đang tham gia cũng là Thứ trưởng Quốc gia 16 Paris. Và dân biểu Pierre Bas, Chủ tịch Ủy ban Pháp Quốc về tự do của VN tự do. Ông này là thành viên của Đảng Rassemblement pour la Republique (RPR) đang nắm đa số tại Quốc hội. Ngoài chức vụ dân biểu quốc hội, ông Pierre Bas còn là Thứ trưởng của Quốc gia 6 Paris. Mục đích của buổi họp báo là giải pháp quy định về VN kèm theo vấn đề Cam Bốt trên cơ sở lý luận, không thể giải pháp quy định về vấn đề hòa bình Cam Bốt một cách riêng rẽ, vì tình hình Cam Bốt với tình hình VN và Lào gần bó buộc liên quan.

Trong hội ký, GS VQT thưa nh: “Dù không tin tưởng triền vẹn HĐ Paris có thể sống lại, nhưng ít ra nó cũng đem lại cho mọi người một tia sáng nào đó, khi mọi người còn đang ở trong bóng tối. Ít nhất người ta thấy có một giải pháp có thể hơn là những biện tuyên ngôn thông thường. Chúng ta là người VN tự do, chúng ta có bốn phần đòi văn hội HĐ Paris 1973, vì chúng ta bị tước đoạt một quy định thiêng liêng để minh chứng cho sự bõ bõ trong hiệp định. Đó là quy định của nhân dân MN. Nếu chúng ta không yêu sách, thì ai đòi hỏi cho chúng ta? Giải pháp do anh em luật gia đưa ra dựa trên những nguyên tắc quốc gia công pháp, trên những biện pháp

định vẫn còn giá trị theo công pháp quốc tế. Chúng tôi chỉ còn trông mong vào sự phù hợp, tin tưởng của sự hủy diệt của Địch M. Nếu đất nước chúng ta nào kết quả cũng là như vậy thì thiên đân mà thôi”.

Lúc bấy giờ, một số người không muốn TT Thiệu Trị là vai trò trong VNCH trong đó có Giáo sư Nguyễn Ngọc Huy không tán thành việc coi ông Thiệu là đối diện của phe quốc gia. Trái lại ông Thiệu là kẻ thù của kẻ thù của làm sự nghiệp của HĐ Paris. Còn phía HK, trước cuộc họp hội thảo một ngày, một luật sư HK tên David Steinman xin gặp ông Thúc, nói rằng ông là cố vấn của ông Moynihan, Thượng nghị sĩ Đảng Dân chủ HK Tiểu bang New York, đối diện không chính thức của Kissinger. Luật sư Steinman cho biết HK không muốn ông Thiệu tham dự công khai cuộc họp hội thảo, vì nó có thể gây nên nhiều vấn đề, thậm chí với những bình luận không có lợi cho HK. Ông đề nghị ông Thiệu tham dự ở hậu trường, đứng ra một. Ông Thúc đồng ý với David Steinman và “công cuộc đấu tranh của chúng tôi để biến VN thành một nước tự do”. Ông ta nói “Số mệnh gì quý giá cũng phải dùng biện pháp “civil disobedience” (bất tuân dân sự). Phải có phong trào bất tuân dân sự trên toàn quốc mới hy vọng thay đổi được chế độ cộng sản độc tài”.

Sau đó ít lâu, vào khoảng 12/1987 một buổi họp hội thảo tại thành phố Paris và lần này có sự tham dự của Kissinger. Ông ta gợi ý thích sự để HK không phải sau khi Hà Nội vì phạm tội phạm hiếp đáp vì HK đang bối rối lúng túng vì vụ Watergate. Dựa trên HK cho rằng M đã rút hết quân rời, việc BV vì phạm tội phạm hiếp đáp Paris xâm chiếm MN, là việc nội bộ của VN, HK không thể nào nhân công hội này trên VN để bắt lỗi cuộc nội chiến của VN vào “vũng bùn chiến tranh” và Quốc hội M cũng không chấp nhận. Nhờ vậy sự ngăn cản không cho ông Thiệu lên tiếng công khai để đất nước VN cũng là điều dễ hiểu. Mặc dù vậy, ông Thiệu cũng vẫn tiếp tục sang Paris nhiều lần sau đó. Năm 1993, ông còn gặp gỡ với Thủ tướng Thái ký LHQ yêu cầu thi hành trên HĐ Paris 1973.

Quốc tế, lúc đó HK đã có nỗ lực giúp gợi ý quy định về hòa bình ở Cam Bốt. Kết quả là một hiệp định Paris tháng hai ra đời ngày 23/10/1991 để gợi ý quy định cuộc chiến ở Cam Bốt. Hiệp định này ràng buộc HĐ Paris 1973 và VN, cũng được một hội nghị quốc tế tham gia, bao gồm 5 nước Ủy viên Thường trực HĐBA, 6 nước ASEAN và các nước khác là Nhật, Úc, Gia Nã Đệ, Ấn Độ và Zimbabwe ký trước sự hiện diện của ông Boutros Boutros Ghali. Năm 1993 cuộc tiếp xúc tuy nhiên của dân chúng tự do có sự quan sát của quốc tế được thực hiện, từ đó Cam Bốt trở thành một quốc gia với thể chế dân chủ đa đảng.

HĐ Paris 1991 được ký kết giữa bên bên người Khmer: Hun Sen (Khmer Đỏ thân VN) Kieu Samphan (Khmer Đỏ thân TC), Son Sann (Khmer Tự do) và thái tử Ranaridh Sihanouk (trung lập). Theo đó, việc vẫn hội HĐ Paris 1973 chỉ có thể thành tựu, nếu có sự hiện diện của 4 phe

VN, họ chủ trương lợi ích của nhau là: CSVN, VNCH, MTGPMN và Thành phố Hồ Chí Minh. Việc này vô cùng khó khăn và cũng không có công việc quốc gia nào có khả năng dàn xếp được, vì thế việc Văn hội HĐ Paris 1973 thất bại.

Sơ lược về Hội nghị 2000

Sau khi nhận thấy công cuộc văn hội HĐ Paris 1973 không đem lại kết quả, trong khi HK chủ trương bình thường hóa bang giao với Hà Nội. Việc này đã xảy ra năm 1995 sau những biến chuyển của Liên Xô và Đông Âu. TT Bill Clinton tuyên bố “Tôi tin rằng việc bình thường hóa và tăng cường các cuộc tiếp xúc giữa người Mỹ và người VN sẽ thúc đẩy sự nghiệp hòa bình do VN nhận được đã đem đến ra Đông Âu và Liên Xô trước đây”. Sự kiện này khiến Gs VQT nhận thấy những điều kiện của L/s David Steinman sau cuộc họp tại hội thảo về HĐ Paris 1973 ngày 23/5/1987. Ông ta đưa ra ý kiến: muốn thay đổi thế cục chính trị quốc gia VN cần phải tạo được một phong trào bất tuân dân sự. Phong trào đó phải được nhiều người trong chính quyền yểm trợ, được biết đến thì mới, nói cách khác không thể trông cậy vào sự can thiệp từ bên ngoài.

Cuộc cách mạng dân chủ hóa ở nhiều nước của CS như Tiệp Khắc, Ba Lan Đông Đức, Hung Gia Lợi...đã xảy ra như sự tranh đấu ôn hòa những quy tắc luật của nhân dân, trong đó phải có pháp bất tuân dân sự là lợi ích chủ yếu. Nhân dân không tuân lệnh nhà cầm quyền, đòi hỏi nhà cầm quyền phải thay đổi thế cục, rút cuộc, nhà cầm quyền đã phải nhượng bộ trước áp lực của quần chúng. Một cuộc cách mạng nhung (Velvet Revolution) ở Tiệp Khắc có thể xảy ra ở VN được không? Gs Thúc trả lời: Có. Tại sao? Vì có nhiều khả năng quần chúng càng ngày càng ý thức được quyền tự do thiên bẩm của mình, rồi chính những kẻ cầm quyền cũng càng ngày càng có khả năng phân tán, bỏ dần những lợi ích tài sản họ đi tìm đa nguyên đa đảng.

Theo Gs Thúc, cần phải làm một cái gì để kích thích lòng ham muốn tự do, đánh thức tinh thần tranh đấu của những người trong nước. Bất đấu với những người cầm quyền, nghĩa là những đảng viên CS. Phải làm cho họ ý thức được xu hướng của thế giới là dân chủ hóa, là tiến tới thế cục chính trị đa đảng đa nguyên trong đó người dân thức tỉnh làm chủ đất nước. Khi hiểu được chủ đề “của dân, do dân, vì dân” không phải hiểu suông nữa. Giáo sư Nguyễn Bá Long ở Canada đưa ra ý kiến sơ lược về một hội nghị giữa những người hi vọng của các nhà dân chủ Tiệp Khắc đối với lãnh đạo tinh thần của họ là Vaclav Havel. Gs Thúc tán thành, tham gia sơ lược về hội nghị và nhận làm đảng sáng lập viên của Phong trào Hội nghị 2000. Bản HC 2000 được công bố tại Paris ngày 25/11/2000. Đây là một tuyên ngôn về dân chủ tự do đối với hình thức một bên hi vọng của, để làm cơ sở cho một thế cục chính trị mới, một xã hội dân chủ mới.

Tóm tắt trên, Gs VQT cho rằng chủ đề còn cách là đấu tranh với Đảng CSVN để tranh thủ nhân dân. Sau 30/4/1975, người Việt tự do không còn phương tiện nào cả thì làm sao tiếp cận và tranh thủ được nhân dân. Tuy nhiên, chủ đề được quy định ở VN đã tồn tại, bằng cách “luôn

lách”, “đổi màu như con tằm kè” “lột xác” như rắn lột da. Sau khi LX giải thể, Hà Nội lập tức thay đổi đường lối chính trị theo Bộ Kinh, không ngừng ngừng chính quyền mới yêu sách của BK. Như vậy VN đã phải trở mặt giá trị đất đai của BK yếu kém. Càng ngày họ càng thực bá quyền của TQ ngày nay hơn, dù mục đích của họ cũng không phải để dâng gò, trong khi nguy hiểm thay đổi thể chế vẫn tồn tại trong nhiều tầng lớp nhân dân. Những tiến bộ kỹ thuật trong lĩnh vực truyền thông mang lại cho họ niềm hy vọng mới: chính quyền được tài không thể nắm được bởi máy thông tin cũng như bởi máy giáo dục chúng mới cách tuyển dụng nhân sự. Bộ máy cách mạng mới dân có thể thu nhận tin tức từ các nhà đầu tư. Như vậy, sự mưu mô gì ngấm vào dân các nhà đầu tư cũng sẽ trở lại truyền thông, và khi thời cơ đến thì họ sẽ do, đến thì họ sẽ.

Ngoài ra, nhân sự của đảng cộng sản ngày càng tăng vì có nhiều được quy định được lợi. Những khi đảng viên đông quá làm sao chia “chiếc bánh chung” cho toàn thể mọi người được. Lúc đó giữa các đảng viên sẽ xuất hiện sự phân biệt: có những phe được lợi nhiều vì chiếm được những địa vị “béo bở”, còn đối đa số đảng viên khác không được lợi nhiều. Hiện tượng “trâu buồm ghét trâu ăn” sẽ xuất hiện ngay trong nội tâm chế độ, trong đầu óc các đảng viên. Phe này phe kia tranh giành nhau quyền lực, nên tìm cách mua dân, dùng những kẻ hiểu hiểu như kẻ do, dân chủ, báo và những kẻ “thực cộng bé mồm” chống lại sự lạm dụng quyền hành, chống lại sự tham nhũng. Đó là mầm móng của sự thay đổi thể chế chính trị. Tất nhiên tham nhũng khi nào cho đảng CS sẽ phải sụp đổ để nhường chỗ cho một chế độ dân chủ hơn.

Giới pháp để ngăn ngừa thảm họa chiến tranh tái diễn: VN xây dựng chế độ Dân chủ Tự do và trung lập

Ngày 10/7 vừa qua, tại Bộ Kinh, Đô đốc Mike Mullen, Tổng TMT (Liên quân) Quân đội HK tuyên bố: “Mọi đã hiện diện lâu dài trong khu vực Á Châu, vì thế HK cũng có một trách nhiệm lâu dài. Sự hiện diện lâu dài của chúng tôi trong khu vực đã rất quan trọng với các đảng mình của chúng tôi trong nhiều thập kỷ qua và sẽ tiếp tục đóng vai trò như vậy”. Lời xác định sự hiện diện của HK ở Biển Đông, khiến những người ta nhớ lại những định của Gs VQT ngày 24/7/2008 với hai cuộc vận động ngoại giao cấp cao của chính quyền Hà Nội và chế độ quyền của VN trên các đảo Hoàng Sa và Trường Sa.

Cuối tháng 5/2008, Tổng Bí thư Nông Đức Mạnh cùng phái đoàn sang Bộ Kinh, gặp mặt với các đảng viên cao cấp đang chờ xử các ban ngành trong bộ máy đảng. Phó trưởng đoàn là Phạm Gia Khiêm, Ủy viên Bộ Chính trị, vừa là Phó thủ tướng kiêm nhiệm Bộ trưởng Ngoại giao. Còn phía Đảng CSTQ, những lãnh đạo cao cấp như Thủ tướng Ôn Gia Bình cũng như Bộ trưởng Ngoại giao công khai vận động mới. Còn Chế độ thực Hạng Cộng Hòa chỉ dựa vào tư lợi, theo đúng nghi lễ mà thôi. Qua cách xử sự này, cho thấy nhà cầm quyền BK phân biệt rõ ràng hai thể chế Đảng CSTQ và Chính phủ TQ. Do đó các vận động đối đại như Hoàng Sa và Trường Sa phải dành lợi cho chính phủ hai nước để duy trì tình hình.

Đó tránh sự đổ vỡ trong quan hệ giữa hai đảng Cộng sản VN và TQ, bên Thông cáo chung đã ngày 1/6/2008 nhắc lại khu vực hi vọng 16 chữ đã được hai bên long trọng chấp nhận làm cơ sở giao hữu. Một điểm đáng chú ý là ngay trong phần nhập đề, bên Thông cáo chung đã gián tiếp xác định một nguyên tắc rất quan trọng. Đó là mỗi bên, TC cũng như CSVN, có quyền tùy theo hoàn cảnh để thực hiện chính sách mà mình chọn một đường lối riêng để tiến tới đích chung là thực hiện xã hội chủ nghĩa. Nói rõ hơn là VN không bó buộc phải theo đúng khuôn mẫu cũng như chính sách đối nội và đối ngoại của TQ (mình là không chấp nhận TQ) Nếu theo đúng nguyên tắc này, quan hệ giữa VN với TQ, rồi đây, có thể sẽ như một tiến bộ lịch sử là quan hệ giữa Nam Tư cũ (Yougoslavie) với Liên Xô cũ. Không như Nam Tư theo theo chủ nghĩa quốc gia mà lại còn công khai đảng trong hàng ngũ các quốc gia không liên kết, nghĩa là đảng trung lập trong cuộc chiến tranh lạnh giữa HK và LX.

Cuộc vận động ngoại giao của BK đã mang lại cho chính quyền Hà Nội một bài học, đó là các nhà lãnh đạo TQ dù theo ý thức hệ CS vẫn đặt quyền lợi của quốc gia lên trên hết.

Chỉ một ngày sau khi phái đoàn Nông Đức Mạnh trở về nước, một phái đoàn chính phủ VN do Thủ tướng Nguyễn Tấn Dũng cầm đầu đã lên đường đi HK. Cùng đi với Dũng có Phạm Gia Khiêm, người đã tham dự cuộc vận động ngoại giao của BK. Các quan sát viên vô tư không khi nào thắc mắc: Thủ tướng HK G. W. Bush sắp hết nhiệm kỳ. Người kế vị có thể là John McCain hay Barack Obama. Dù sáng kiến cuộc gặp gỡ Mỹ-Việt này do phía nào chẳng nữa, ta vẫn phải tìm hiểu tại sao người ta không đợi tới sau cuộc bầu cử tổng thống Mỹ? Phải có một nguyên nhân nào đó khiến cho cuộc gặp gỡ trở nên không trở ngại. Tất nhiên nguyên nhân này liên can đến cả hai nước HK và VN.

Với phần VN, việc nổi bật là với TQ coi quyền lợi của Trung Quốc Sa và quần đảo Trường Sa của họ rất quan trọng. TQ cũng không quên đi mục đích của việc sát nhập Trung Quốc Sa, Hoàng Sa và một quần đảo ngoài khơi thành huyện Tam Sa trực thuộc tỉnh Hải Nam. Rồi một số cơ quan truyền thông tiến bộ là TQ đã thiếp đặt tại đảo Hải Nam một căn cứ hải quân và tân có thể dùng làm căn cứ để cho nhiều tàu ngầm và cơ hàng không mẫu hạm. Nhưng với TQ không hề che giấu tham vọng khống chế toàn khu vực Biển Đông, là một đường tiến bộ có tầm quan trọng chiến lược đối với họ.

Với phần HK, Bên thông cáo chung được phát biểu sau cuộc gặp gỡ giữa ông G. W. Bush và Nguyễn Tấn Dũng rất ngắn gọn và mập mờ. Tuy nhiên có một điểm đáng chú ý được đề cập, đó là: HK xác nhận nguyên tắc tôn trọng sự toàn vẹn lãnh thổ của VN. Khi nói đến điều này, rõ ràng là ông G.W.Bush muốn gửi một tín hiệu cho TQ: Các ông đừng với coi quyền lợi của Trung Quốc Sa là một phần của các ông trong khi chủ quyền quần đảo này còn đang là nội dung tranh

chắp giũa các ông với nhu cầu nước trong vùng.

Những sự việc vừa duy trì lại, đưa chúng tôi tới kết luận: tình hình quân sự-chính trị ở Biên Đông đang trở nên nghiêm trọng. Một lần nữa quê hương chúng ta lại lâm vào thế kẹt, giữa hai lựa chọn quắc mắt đối nghịch. Đã đến lúc không thể úp úp mở mở được nữa mà phải minh bạch hóa thế đứng của mình. Những người Việt tha thiết với tiến độ của dân tộc, có trách nhiệm làm mọi cách để ngăn ngừa thảm họa chiến tranh tái diễn trên quê hương đã quá đau khổ của chúng ta. (Paris, ngày 24/7/2008 – VQT)

Giới pháp mà GS VQT đề nghị từ ba nước là VN phải dân chủ hóa thế chế chính trị để kiên toàn nền độc lập của xã hội. VN đi theo con đường trung lập để tránh va chạm với HK và TQ. Sau đó vẫn để thành lập một khu vực trung lập với các nước láng giềng ở phía nam TQ. Như đó VN dễ dàng hòa nhập với các nước chung quanh Biên Đông để cùng nhau thịnh vượng với TQ và chế ngự các quân đội ở trong khu vực.

Góp ý của người đọc, tác giả bài viết này:

Qua những điều nêu trên của GS VQT, cho thấy từ giữa năm 2008, thái độ của giới lãnh đạo Đảng CSTQ đối với CSVN bắt đầu lộ nét, khác xa cuộc họp thông tin Đảng Thành Đô năm 1990. Trong 18 năm sau đó “VN đã phải trả một giá rất đắt để được BK yểm trợ Đảng CSVN”. Những gì mà Đảng CSVN đã nhượng bộ và thua thua với TQ, được biết là Biên Đông, thì nay nếu có sự tranh chấp, sẽ được giới quy định giữa hai chính phủ theo công pháp quốc tế.

Chính phủ có thể làm được việc này, những Đảng CSVN đành bó tay, vì đã có sự đồng thuận của cấp cao nhất giữa TT Phạm Văn Đồng và TT Chu Ân Lai năm 1958 cũng như giữa Tổng Bí thư Giang Trạch Dân và Tổng Bí thư Đỗ Mười năm 1990. Điều khó khăn là Đảng CS đang lãnh đạo toàn diện đất nước.

Trong Đại hội XI Đảng CSVN vừa qua, Tổng Bí thư Nông Đức Mạnh và Ủy viên Bộ Chính trị Phạm Gia Khiêm đã bỏ lỡ, trong khi TT Nguyễn Tấn Dũng vẫn còn tại vị. Nguyễn Phú Trọng, một người thân TQ được bổ nhiệm làm Tổng Bí thư Đảng, chỉ là một bóng mờ trước TT Nguyễn Tấn Dũng mà quyên theo ngày càng gia tăng. Rồi đây, ông Trọng sẽ tiếp tục vai trò Chủ tịch nước, Hiến pháp có thể được tu chính để Chủ tịch nước đảm nhiệm vai trò lãnh đạo tối cao của nước VN, chứ không phải Tổng Bí thư Đảng CSVN. Chủ tịch nước và thế lực đứng đầu là dân biểu được nhân dân bầu chọn và được Quốc hội là cơ quan quyền lực cao nhất tôn phong, sẽ thay mặt nhân dân tham gia với chính phủ TQ mới có cơ may thu hồi các vùng đất. Chỗ Đảng

CS không làm gì được.

Số khủng khiếp của HK duy trì sự hiên diện lâu dài ở châu Á, cho thấy đã đến thời điểm “VN không thể úp úp mở mở được nữa”. Xin nhắc lại, trong diện văn trình phiên họp cuối cùng của Đại hội Đảng bí toàn Đảng CS Liên Xô hội cuối tháng 6/1988, Tổng Bí thư Gorbachev cho rằng hội nghị Xô Viết sẽ sụp đổ nếu hội không kịp thời nhận thức bài học của lịch sử và nhìn nhận những sai lầm trầm trọng mà các lãnh đạo Đảng đã theo đuổi trong mấy chục năm qua. Ông nhận mạnh “sự sống còn của chủ nghĩa xã hội đang nằm trong tay của Đảng. Nó sẽ chết nếu chúng ta không trao quyền cho nhân dân”.

Tình thế VN đã chín muồi. Đảng CSVN dính liến với Công hàm năm 1958 của TT Phạm Văn Đồng và 16 chữ vàng từ 1990 đến nay. Nếu Quốc hội không sớm giải quyết, thì đến lượt nhân dân phải hành động qua các đòi hỏi ôn hòa để báo vệ giang sơn của tiến nhân đất nước. Tính đến nay đã có ba kiến nghị của những trí thức nổi tiếng trong nước lên tiếng đòi Bộ Chính trị Đảng CSVN phải có hành động. Đại đa số đảng viên CS không có những đức tính “béo bở”, sự cân phân giải quyết lợi cá nhân và quyền lợi đất nước, hội sự đảng tình với toàn dân để cứu nước, và để báo vệ sự an toàn cho cá nhân và gia đình họ.

Lòng yêu nước của nhân dân và sự thức tỉnh của những người CS trong bộ máy chuyên chính sẽ tạo ra cuộc Cách mạng Nhung, chuyển đổi từ chế độ tài chuyên chính sang một nền Dân chủ đích thức để đất nước ta, trong đó các nhân quyền và quyền tự do căn bản phải được tôn trọng, và đoàn kết toàn dân báo vệ đất nước.

Hơn ba thập niên trước, báo linh thiêng của Đức Mẹ Fatima Bình Triểu, tạo hào quang khi Gs VQT thành tâm nguyện xin được thoát khỏi VN và sẽ công hiến phần cuối của cuộc đời cho đất nước. Từ đó ông đã công gong thức hiến phần nguyện của mình qua những việc làm như tôi đã trình bày, được ghi trong hai cuốn Hồi ký Tôi ở Đức và Tôi. Những dòng cuối cùng trong hồi ký, tác giả nói lên hoài bão của mình: “Những người Việt tha thiết với tiến bộ của dân tộc, có trách nhiệm làm mọi cách để ngăn ngừa thảm họa chiến tranh tái diễn trên quê hương đã quá đau khổ của chúng ta”.

Cách đây hơn hai tháng, một phép lạ xảy ra với Gs VQT, được ông thuật lại cho Giáo sư Lê Đình Thông, Luật sư Lê Trọng Quát và phụ nhân là Giáo sư Trần Thị Minh Châu: “Tôi còn nhớ hôm đó là ngày 26/4/2011, vào khoảng 2 giờ sáng. Tôi đang ngủ say chợt thấy người bồng bồng. Tôi tỉnh dậy thấy mình đã chết, cháu con thập niên nằm trên bàn biết. Tôi có cảm giác rờn rợn, bóng tối nhẩy nhẩy trên bàn giầy có lửa cháy bùng. Tôi lấy tay chụp tắt lửa rồi ngủ tiếp. Lạ

lòng thay vì buổi sáng thóc dầy, tôi thấy các que diêm trong hộp cháy đen nũa đâu không có diêm sinh. Trên mặt bàn còn vớt cháy đen. Căn nhà chớ có tôi và nhà tôi. Nhà tôi ngủ phòng riêng, không thớt đi lối đi giữa đêm khuya. Vậy thì ai đốt cháy hộp diêm?”

Giáo sư Thúc đưa cho mọi người xem hộp diêm kỳ lạ. Trưa đêm Paris cuối tháng tết còn nhiều sương lạnh. Nếu có hũa hoũa, ông bà không biết đốt cháy thì cũng biết đốt ngửi. Sau phép lạ hộp diêm, phu nhân ông biết bệnh hiểm nghèo được bình phục, con gái ông -tên sĩ Vũ Mạnh Lan cũng được cứu chữa hết bệnh. Nhờ vậy là ba phép lạ mặt thấy tai nghe, xảy ra cùng một nơi một lúc.

Qua sự việc trên, tôi có ý nghĩ là tầm lòng thành và hoài bão thiết tha của Gs VQT đã được Địch Mộng giám. Giáo sư chết như đờ đờ phút ngắn ngủi trong nhà được cứu gia đình. Nói rõ ràng, trong tình thế đất nước hiện nay, giới pháp của Giáo sư là đờ đờ phút ngắn ngủi của chiến tranh bạo tàn được cứu dân, cứu nước.

Lê Quốc Lâm (16/7/2011)